

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

**CTY CP VẬN TẢI VÀ
XÉP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

====**====

====**====

Số: 2604-2016/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An
Mã chứng khoán HAH
Địa chỉ trụ sở chính Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại 043.9877515
Fax 043.9444022
Người thực hiện công Phạm Thị Hồng Nhung
bố thông tin
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đình Vũ, P.Đông Hải, Q.Hải An, TP.Hải Phòng
Số điện thoại công ty 031.3979721
Fax 031.3979718
Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo Tài chính Quý I năm 2016" của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/4/2016 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Quý I năm 2016

Người được ủy quyền công bố thông tin



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Phạm Thị Hồng Nhung

Số: 2404-2016/CV-HATS

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2016

BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BCTC QUÝ 1 NĂM 2016

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Xếp Dỡ Hải An

Mã CK: HAH

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103818809 Công ty Cổ phần Vận tải và xếp dỡ Hải An do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và thay đổi lần thứ 8 ngày 05/12/2014.

Chúng tôi xin giải trình về số liệu Báo cáo tài chính quý 1 năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu (VNĐ)	Quý 1/2016 (VNĐ)	Quý 1/2015 (VNĐ)	So sánh	
			(+,- VNĐ)	(+,-%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	36.026.514.652	43.572.768.467	(7.546.253.815)	(17%)

Nguyên nhân:

Do thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong đó có hướng dẫn phân chia kết quả Hợp đồng hợp tác kinh doanh áp dụng bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2015.

Nhưng tại quý 1/2015, các bên tham gia Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh tàu vận tải Container (BCC) chưa thống nhất phân chia Kết quả kinh doanh mà việc phân chia này được thực hiện vào 30/06/2015. Chính vì vậy, kết quả kinh doanh theo báo cáo quý 1/2015 bao gồm cả phần phân chia cho các bên khác tham gia BCC, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số trên báo cáo quý 1/2015	Giảm trừ do phân chia BCC quý 1/2015	Số liệu sau khi phân chia BCC quý 1/2015	Quý 1 năm 2016 tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)
(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(5)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.881.183.016	53.334.711.131	98.546.471.885	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	43.572.768.467	6.980.940.973	36.591.827.494	(1,54%)



Số liệu điều chỉnh quý 1/2015 đã được chúng tôi đề cập tại Phần thuyết minh BCTC quý 2/2015.

Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HC, P.QHCD, P.KT;



CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2016

Tổng Giám đốc



Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Hà Nội, tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		267,662,037,653	254,326,853,278
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	163,569,192,901	149,754,819,697
1. Tiền	111		20,685,420,066	34,158,984,081
2. Các khoản tương đương tiền	112		142,883,772,835	115,595,835,616
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85,084,320,320	75,021,485,398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	75,112,934,731	62,327,916,098
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	481,488,640	1,674,670,341
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	2,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	9,654,730,561	9,183,732,571
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164,833,612)	(164,833,612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6,739,316,154	10,282,989,087
1. Hàng tồn kho	141	V.8	6,739,316,154	10,282,989,087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12,269,208,278	19,267,559,096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	821,654,237	816,250,020
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11,444,398,641	18,448,153,676
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	3,155,400	3,155,400
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		630,701,178,600	623,983,999,397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,851,338,123	1,836,908,123
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,851,338,123	1,836,908,123
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		581,194,597,584	585,167,342,985
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	577,969,977,291	581,907,401,154
<i>Nguyên giá</i>	222		785,436,198,344	771,093,778,489
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(207,466,221,053)	(189,186,377,335)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3,224,620,293	3,259,941,831
<i>Nguyên giá</i>	228		4,945,015,236	4,945,015,236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,720,394,943)	(1,685,073,405)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	409,090,909	17,502,407,891
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		409,090,909	17,502,407,891
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		28,805,386,500	10,000,866,500
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	28,804,520,000	10,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	866,500	866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18,440,765,484	9,476,473,898
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	18,440,765,484	9,476,473,898
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		898,363,216,253	878,310,852,675

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		354,712,532,668	370,686,683,742
I. Nợ ngắn hạn	310		123,067,054,165	137,753,043,896
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	23,665,000,018	33,899,264,669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	495,302,433	383,606,600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6,931,285,204	13,968,755,751
4. Phải trả người lao động	314		1,415,414,550	5,126,436,134
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10,806,442,862	386,506,838
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	32,341,641,405	24,494,315,863
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	39,105,010,046	48,372,200,394
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	8,306,957,647	11,121,957,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		231,645,478,503	232,933,639,846
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	90,604,520,000	90,604,520,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	141,040,958,503	142,329,119,846
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		543,650,683,585	507,624,168,933
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	543,650,683,585	507,624,168,933
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		231,962,320,000	231,962,320,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58,788,380,922	58,788,380,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2,571,030,000)	(2,571,030,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		82,722,070,809	82,722,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172,748,941,854	136,722,427,202
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		136,722,427,202	136,722,427,202
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36,026,514,652	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		898,363,216,253	878,310,852,675

Lập, ngày 28 tháng 4 năm 2016

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Tổng Giám đốc

Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 Năm nay	Quý 1 Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	102,141,203,149	151,881,183,016
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102,141,203,149	151,881,183,016
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	59,509,904,249	99,486,795,562
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42,631,298,900	52,394,387,454
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,693,475,063	2,843,520,660
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,215,062,620	3,618,029,584
Trong đó: chi phí lãi vay	23		931,859,640	1,668,841,651
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4,488,573,847	3,114,127,867
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39,621,137,496	48,505,750,663
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	163,761,012
12. Chi phí khác	32	VI.7	1,375,823	560,000
13. Lợi nhuận khác	40		(1,375,823)	163,201,012
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39,619,761,673	48,668,951,675
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	3,593,247,021	5,096,183,208
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>36,026,514,652</u>	<u>43,572,768,467</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 28 tháng 4 năm 2016

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 1 Năm nay	Quý 1 Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	39,619,761,673	48,668,951,675
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	18,315,165,256	14,962,366,563
- Các khoản dự phòng	03 VI.5	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1,652,416,276)	1,433,235,823
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,502,307,698)	(2,784,317,801)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	931,859,640	1,668,841,651
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	55,712,062,595	63,949,077,911
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5,077,998,539)	(23,647,884,518)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3,543,672,933	568,932,850
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	18,396,505,057	25,938,213,518
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(8,969,695,803)	194,152,971
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1,080,558,435)	(1,896,634,968)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.15	(13,022,241,790)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.19	(2,815,000,000)	(1,815,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46,686,746,018	63,290,857,764
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(8,669,442,811)	(2,942,588,082)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18,804,520,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3,196,610,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,502,307,698	563,053,801
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23,971,655,113)	(1,182,924,281)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Quý 1 Năm nay	Quý 1 Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8,862,439,013)	(13,816,933,040)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(8,862,439,013)</i>	<i>(13,816,933,040)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		13,852,651,892	48,291,000,443
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	149,754,819,697	70,148,304,209
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(38,278,688)	155,006,314
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	163,569,192,901	118,594,310,966

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Nhung

Lập, ngày 28 tháng 4 năm 2016

Tổng Giám đốc



Tạ Mạnh Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đĩnh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	54,2%	57,75%

⁽ⁱ⁾ Công ty nắm giữ 50,5% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Vận tải Container Hải An và 7,25% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ Phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, địa chỉ tại số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Một số số liệu năm trước trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay do áp dụng quy định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các quy định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi là “BCC”) đã được ký kết quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ. Theo đó, Công ty áp dụng phương pháp kế toán BCC chia doanh thu để ghi nhận doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong kỳ, đồng thời cung cấp bằng chứng về việc quyết toán thuế cho các bên khác, cụ thể:

- Ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC; Lãi trên cổ phiếu và các chỉ tiêu phân tích tài chính chỉ được tính đối với phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Công ty cung cấp bản sao các hồ sơ, tài liệu về việc đã thực hiện nghĩa vụ với NSNN của BCC cho các bên trong BCC để phục vụ việc quyết toán thuế của các bên khác trong BCC;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán chỉ bao gồm phần lợi nhuận sau thuế tương ứng của từng bên được hưởng.
- Các bên khác được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC, báo cáo cơ quan thuế về việc khoản doanh thu, chi phí này đã được thực hiện nghĩa vụ thuế làm căn cứ điều chỉnh số thuế TNDN phải nộp.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo Công ty có 31 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 27 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-8

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	474,450,577	129,482,990
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20,210,969,489	34,029,501,091
Các khoản tương đương tiền	142,883,772,835	115,595,835,616
Cộng	163,569,192,901	149,754,819,697

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	28,804,520,000	-	28,804,520,000	10,000,000,000	-	10,000,000,000
Công ty TNHH Cảng Hải An(i)	10,000,000,000	-	10,000,000,000	10,000,000,000	-	10,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An(ii)	18,804,520,000	-	18,804,520,000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866,500	-	866,500	866,500	-	866,500
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải Công ty Cổ phần MHC	864,000	-	864,000	864,000	-	864,000
	2,500	-	2,500	2,500	-	2,500
Cộng	28,805,386,500	-	28,805,386,500	10,000,866,500	-	10,000,866,500

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0101126468 ngày 27 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 10.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh..

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại kỳ kết thúc báo cáo, số tiền còn phải góp vốn vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An là 82.195.480.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Cung cấp dịch vụ khai thác cảng cho Cảng Hải An	16,303,395,902	7,087,537,193
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác cảng	1,133,698,956	1,302,097,943
Cảng Hải An cung cấp dịch vụ khai thác tàu	5,671,991,749	3,762,632,260
Trả hộ Cảng Hải An chi phí lương, khác		58,000,000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Chuyển tiền góp vốn	18,804,520,000	

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	16,213,479,578	2,479,490,356
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	1,369,700,000	584,400,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon tại Hà Nội	380,145,000	197,495,000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	312,000,000	158,700,000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng hải Macs tại Hải Phòng	42,900,000	14,600,000
Công ty cổ phần Hải Minh	772,000,000	
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng		4,300,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	82,875,358	142,358,413
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	871,232,278	1,141,878,593
Công ty TNHH Cảng Hải An	12,382,626,942	-
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		235,758,350
Phải thu các khách hàng khác	58,899,455,153	59,848,425,742
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại Hải Phòng	8,572,518,157	9,377,071,190
Pendulum Express Lines Pte Ltd	7,597,736,601	5,761,835,539
Các khách hàng khác	42,729,200,395	44,709,519,013
Cộng	75,112,934,731	62,327,916,098

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan		
Trả trước cho người bán khác	481,488,640	1,674,670,341
Công ty Cổ phần Bê tông Vinaconex Phan Vũ		1,364,220,000
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Bắc	239,222,508	239,222,508
Các nhà cung cấp khác	242,266,132	71,227,833
Cộng	481,488,640	1,674,670,341

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	2,000,000,000
Cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An vay với lãi suất 4,8%/năm	-	2,000,000,000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Cộng	-	2,000,000,000

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	7,742,465,850	-	7,742,465,850	-
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận	7,742,465,850	-	7,742,465,850	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,912,264,711	-	1,441,266,721	-
Doanh thu tạm tính chưa xuất hóa đơn	1,361,195,569	-	1,142,993,034	-
Tiền lãi dự thu	176,606,228	-	189,435,354	-
Ký cược, ký quỹ	102,705,000	-	102,705,000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	271,757,914	-	6,133,333	-
Cộng	9,654,730,561	-	9,183,732,571	-

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,851,338,123	-	1,836,908,123	-
Ký cược, ký quỹ	1,851,338,123	-	1,836,908,123	-
Cộng	1,851,338,123	-	1,836,908,123	-

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	164,833,612	-	-	164,833,612	-
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	65,089,486	-	3 năm	65,089,486	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	3 năm	99,744,126	-	3 năm	99,744,126
Cộng		164,833,612	-		164,833,612

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	164,833,612		164,833,612
Trích lập dự phòng bổ sung	-		-
Hoàn nhập dự phòng	-		-
Số cuối kỳ	164,833,612	-	164,833,612

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6,739,316,154		10,282,989,087	
Cộng	6,739,316,154	-	10,282,989,087	-

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	797,903,939	794,857,901
Công cụ dụng cụ	23,750,298	21,392,119
Cộng	821,654,237	816,250,020

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa thiết bị	1,767,627,433	2,501,849,850
Chi phí lên đà tàu	16,644,160,782	6,940,067,232
Công cụ dụng cụ	28,977,269	34,556,816
Cộng	18,440,765,484	9,476,473,898

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	199,026,384,869	254,996,349,118	316,995,908,138	75,136,364	771,093,778,489
Mua sắm mới		14,342,419,855			14,342,419,855
Số cuối kỳ	199,026,384,869	269,338,768,973	316,995,908,138	75,136,364	785,436,198,344

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử	457,605,455	160,905,076		33,500,000	652,010,531
-------------------------------------	-------------	-------------	--	------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	67,985,169,866	91,252,831,603	29,902,153,640	46,222,226	189,186,377,335
Khấu hao trong năm	3,215,932,323	7,047,865,183	8,012,576,514	3,469,698	18,279,843,718
Số cuối năm	71,201,102,189	98,300,696,786	37,914,730,154	49,691,924	207,466,221,053

Giá trị còn lại

Số đầu năm	131,041,215,003	163,743,517,515	287,093,754,498	28,914,138	581,907,401,154
Số cuối năm	127,825,282,680	171,038,072,187	279,081,177,984	25,444,440	577,969,977,291

11. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất có thời hạn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	4,945,015,236	1,685,073,405	3,259,941,831
Tăng trong năm		35,321,538	
Giảm trong năm			(35,321,538)
Số cuối kỳ	4,945,015,236	1,720,394,943	3,224,620,293

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	14,342,419,855		(14,342,419,855)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	409,090,909	-	-	409,090,909
Sửa chữa lớn tài sản cố định	2,750,897,127	8,669,442,811	(11,420,339,938)	-
Cộng	17,502,407,891	8,669,442,811	(25,762,759,793)	409,090,909

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1,199,281,346	422,949,905
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	190,335,758	227,554,205
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	171,050,000	163,935,700
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		29,700,000
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	7,895,000	1,760,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	830,000,588	
Phải trả các nhà cung cấp khác	22,465,718,672	33,476,314,764
Công ty Liên doanh Phát triển tiếp vận số 1	6,166,528,090	8,357,137,092
South Horizons International Petroleum (S) Pte Ltd		7,634,737,981
BMS UNITED BUNKERS (ASIA) PTE LTD	1,218,481,310	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty CP Hàng Hải Đông Đô	1,418,784,225	
Công ty CP TM và DV Vosco	1,787,823,752	
TRITON CONTAINER INTERNATIONAL LIMITED-COLLE	1,059,034,821	
Các nhà cung cấp khác	10,815,066,474	17,484,439,691
Cộng	23,665,000,018	33,899,264,669

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	26,900,000
Công ty Cổ phần Hải Minh		26,900,000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	495,302,433	356,706,600
Công ty TNHH T29		93,417,000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Sài Gòn		77,300,000
A.P.Moller-Maersk A/S	323,073,633	
Công ty CP dịch vụ giao nhận hàng hóa TNN	29,270,000	
Công ty Cổ phần Thương mại An Mỹ Đức		100,000
Công ty Cổ phần Thương mại và Hàng Hải Sài Gòn		200,000
Các khách hàng khác	142,958,800	185,689,600
Cộng	495,302,433	383,606,600

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu					-	
Thuế xuất, nhập khẩu		3,155,400	-	-		3,155,400
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13,022,241,790		5,543,868,605	(13,022,241,790)	5,543,868,605	
Thuế thu nhập cá nhân	825,720,934		1,504,097,411	(942,401,746)	1,387,416,599	
Tiền thuế đất	120,793,027			(120,793,027)		-
Các loại thuế khác			4,000,000	(4,000,000)		-
Cộng	13,968,755,751	3,155,400	7,051,966,016	(14,089,436,563)	6,931,285,204	3,155,400

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39,619,761,673	48,668,951,675
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	93,622,217	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	93,622,217	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	39,713,383,890	48,668,951,675
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	39,713,383,890	48,668,951,675
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng	30,867,887,837	33,005,800,950
- Hoạt động khai thác tàu	8,845,496,053	15,663,150,725
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7,942,676,778	10,707,169,369
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(2,899,619,838)	(3,960,696,114)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1,449,809,919)	(1,650,290,047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3,593,247,021	5,096,183,208
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3,593,247,021	5,096,183,208
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	1,950,621,584	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5,543,868,605	5,096,183,208

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	10,806,442,862	386,506,838
Chi phí lãi vay phải trả	237,808,043	386,506,838
Sửa chữa thiết bị, phụ tùng	3,500,000,000	
Sửa chữa mặt bãi, nạo vét luồng	5,790,331,818	
Chi phí dịch vụ phải trả	1,144,015,001	
Chi phí phải trả khác	134,288,000	
Cộng	10,806,442,862	386,506,838

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan về lãi hợp tác kinh doanh</i>	31,879,810,574	24,180,552,772
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	11,110,333,172	8,313,405,995
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	8,334,212,367	6,236,149,932
Công ty Cổ phần MHC	4,405,195,984	3,555,106,308
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5,204,745,215	3,972,922,696
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	2,825,323,836	2,102,967,841
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	461,830,831	313,763,091
Kinh phí công đoàn, đảng phí	12,179,100	1,955,100
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	45,851,731	43,007,991
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	268,800,000	268,800,000
Thù lao HĐQT, BKS	135,000,000	
Cộng	32,341,641,405	24,494,315,863

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan về vốn hợp tác kinh doanh	90,604,520,000	90,604,520,000
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	32,915,900,000	32,915,900,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	24,688,620,000	24,688,620,000
Công ty Cổ phần MHC	10,000,000,000	10,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	14,500,000,000	14,500,000,000
Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	8,500,000,000	8,500,000,000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Cộng	90,604,520,000	90,604,520,000

18. Vay và nợ thuê tài chính

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	1,442,320,325	1,442,320,325	1,742,320,325	1,742,320,325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	1,442,320,325	1,442,320,325	1,742,320,325	1,742,320,325
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	37,662,689,721	37,662,689,721	46,629,880,069	46,629,880,069
Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội sở chính	12,416,058,180	12,416,058,180	12,510,540,270	12,510,540,270
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	18,846,765,000	18,846,765,000	25,506,264,000	25,506,264,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5,288,684,316	5,288,684,316	7,117,894,879	7,117,894,879
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch I	1,111,182,225	1,111,182,225	1,495,180,920	1,495,180,920
Cộng	39,105,010,046	39,105,010,046	48,372,200,394	48,372,200,394

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải theo hợp đồng số 01/HD ngày 05/1/2008 của Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An để phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất cho vay của ngân hàng tại từng thời điểm, thời hạn vay 01 năm. Sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An, Công ty kế thừa lại khoản vay này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tăng/giảm khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	1,742,320,325	-	(300,000,000)	1,442,320,325
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng Hải (i)	1,742,320,325		(300,000,000)	1,442,320,325

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	46,629,880,069	(404,751,335)	(8,562,439,013)	37,662,689,721
Vay dài hạn đến hạn trả	46,629,880,069	(404,751,335)	(8,562,439,013)	37,662,689,721
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	12,510,540,270	(94,482,090)		12,416,058,180
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	25,506,264,000	(232,636,166)	(6,426,862,834)	18,846,765,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	7,117,894,879	(63,947,370)	(1,765,263,193)	5,288,684,316
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch I	1,495,180,920	(13,685,709)	(370,312,986)	1,111,182,225
Cộng	48,372,200,394	(404,751,335)	(8,862,439,013)	39,105,010,046

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	141,040,958,503	141,040,958,503	142,329,119,846	142,329,119,846
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính (i)	31,022,865,420	31,022,865,420	31,258,939,150	31,258,939,150
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng (ii)	82,936,794,550	82,936,794,550	83,735,513,960	83,735,513,960
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội (iii)	5,926,561,938	5,926,561,938	21,353,683,961	21,353,683,961
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch I	21,154,736,595	21,154,736,595	5,980,982,775	5,980,982,775
Cộng	141,040,958,503	141,040,958,503	142,329,119,846	142,329,119,846

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 251.2010.HĐTD ngày 20/05/2010, số tiền vay 6.000.000 USD, mục đích thanh toán L/C và nhập khẩu máy móc thiết bị cho dự án đầu tư xây dựng bến Container Hải An - Hải Phòng, thời hạn 72 tháng, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ dự án.

Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo Hợp đồng tín dụng số 0034.2014/HDDTD1/BVB-TTKD ngày 20/3/2014; số tiền 2.500.000 USD; mục đích bổ sung vốn mua tàu Container; thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng; lãi suất 4,5%/năm tại thời điểm giải ngân. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng /lần, các kỳ sau điều chỉnh bằng lãi suất huy động USD 12 tháng trả sau do Bảo Việt Bank công bố cộng biên độ 3,25%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, 4 xe nâng hàng, 2 cần trục loại chân đế kiểu quay, tài sản trên đất là các công trình xây dựng thuộc dự án kinh doanh cảng Container Hải An.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA02/2014/VCB-HA ngày 11/4/2014, số tiền vay: 2.000.000 USD, mục đích vay để mua 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, thời hạn vay 54 tháng, thời gian ân hạn: 6 tháng, lãi suất tính theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại lãi trả sau + lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn USD tại thời điểm thay đổi lãi suất theo thông báo của Vietcombank trong từng thời kỳ, khoản vay được bảo đảm bằng tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có hệ thống 01 cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng, theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2014/VCB-HA ngày 20/01/2014, số tiền vay: 442.000 USD, mục đích thanh toán tiền mua 2 xe nâng PPM Terex, thời gian ân hạn: 6 tháng, thời gian trả nợ gốc: 54 tháng theo lịch trả nợ kèm theo Hợp đồng, Lãi suất cho vay là lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng USD loại trả lãi sau+ lãi suất biên tối thiểu là 2,9%/năm, 3 tháng điều chỉnh 1 lần, khoản vay được bảo đảm bởi tài sản đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống 02 xe nâng PPM Terex.

Vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Hải Phòng, theo hợp đồng tín dụng số 2015/DA/HỆTD/VCB-HA ngày 22/9/2015, số tiền vay: 3.000.000 USD, mục đích vay để thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) để thực hiện Dự án do bên vay làm chủ đầu tư, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ là 57 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất được xác định theo công thức: Năm đầu tiên áp dụng lãi suất cố định là 3,8 %/năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên, những năm tiếp theo áp dụng lãi suất bằng lãi suất kỳ hạn Libor kỳ hạn 6 tháng + 3,5%/năm, sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần và áp dụng cho toàn bộ số dư nợ gốc thực tế của Hợp đồng tín dụng. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HAIAN TIME của Dự án.

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng doanh nghiệp số 25-10.14/HỆTD/TPB.HTH ngày 16/10/2014, số tiền vay là 1.500.000 USD, mục đích mua con tàu HAI AN SONG, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng Lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả lãi cuối kỳ đối với USD của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ được quy định bởi TPBank tại từng thời kỳ theo đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền mua bán tàu HAI AN SONG.
- (iv) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25/10/2015, số tiền vay là 309.400 EURO, mục đích vay để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư USD kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 2%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị gồm: 01 máy container trục xoay model: TEREX TFC45R, xuất xứ Pháp Series number: 175467, Sản xuất : 2009, nặng 45.000 kg và 01 máy container trục xoay model: DRF420 - 60S, xuất xứ Pháp Series number: A11300405, Sản xuất : 2010, nặng 42.000 kg.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	43,438,923,600	12,416,058,180	31,022,865,420	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	101,783,559,550	18,846,765,000	82,936,794,550	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	11,215,246,254	5,288,684,316	5,926,561,938	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	22,265,918,820	1,111,182,225	21,154,736,595	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	178,703,648,224	37,662,689,721	141,040,958,503	-
	-	-	-	-
Số đầu năm				
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	43,769,479,420	12,510,540,270	31,258,939,150	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	109,241,777,960	25,506,264,000	83,735,513,960	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	28,471,578,840	7,117,894,879	21,353,683,961	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	7,476,163,695	1,495,180,920	5,980,982,775	
Cộng	188,958,999,915	46,629,880,069	142,329,119,846	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Tăng/giảm do chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Ngân hàng Bảo Việt - Hội Sở chính	31,258,939,150	(236,073,730)	31,022,865,420
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng	83,735,513,960	(798,719,410)	82,936,794,550
Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hà Nội	21,353,683,961	(198,947,366)	21,154,736,595
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1	5,980,982,775	(54,420,837)	5,926,561,938
Cộng	142,329,119,846	(1,288,161,343)	141,040,958,503

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5,674,613,213		(150,000,000)	5,524,613,213
Quỹ Hội đồng quản trị	5,447,344,434		(2,665,000,000)	2,782,344,434
Cộng	11,121,957,647	-	(2,815,000,000)	8,306,957,647

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	45,931,070,809	91,202,175,376	425,312,917,107
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	163,361,226,216	163,361,226,216
Trích lập các quỹ	-	-	-	36,791,000,000	(45,375,000,000)	(8,584,000,000)
Chia lợi nhuận hoạt					(3,648,587,390)	(3,648,587,390)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

động BCC năm 2014						
Chia cổ tức	-	-	-	-	(68,817,387,000)	(68,817,387,000)
Số dư cuối năm trước	<u>231,962,320,000</u>	<u>58,788,380,922</u>	<u>(2,571,030,000)</u>	<u>82,722,070,809</u>	<u>136,722,427,202</u>	<u>507,624,168,933</u>
Số dư đầu năm nay	231,962,320,000	58,788,380,922	(2,571,030,000)	82,722,070,809	136,722,427,202	507,624,168,933
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	36,026,514,652	36,026,514,652
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	<u>231,962,320,000</u>	<u>58,788,380,922</u>	<u>(2,571,030,000)</u>	<u>82,722,070,809</u>	<u>172,748,941,854</u>	<u>543,650,683,585</u>

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23,196,232	23,196,232
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23,196,232	23,196,232
- Cổ phiếu phổ thông	23,196,232	23,196,232
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	257,103	257,103
- Cổ phiếu phổ thông	257,103	257,103
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22,939,129	22,939,129
- Cổ phiếu phổ thông	22,939,129	22,939,129
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	447,223.02	798,560.97
Euro (EUR)	46.02	46.02

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	55,201,040,035	58,540,771,514
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	46,940,163,114	93,340,411,502

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cộng	102,141,203,149	151,881,183,016
-------------	------------------------	------------------------

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	953,909,086	2,550,999,997
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	52,272,727	50,545,455
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	1,835,999,998	3,104,363,635
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon tại Hà Nội		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	342,859,091	10,727,273
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
Doanh thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác		
Công ty Cổ phần Hải Minh		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	1,246,999,997	2,215,909,090
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác thác tàu	3,532,151,158	3,472,373,046
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	62,861,243	100,314,991
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	100,774,725	1,804,939,672
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	236,000,003	137,326,363
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác cảng	1,770,573,708	13,939,878,604
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải và Dịch vụ hàng hải Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ khai thác tàu	29,272,727	56,363,639

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	23,210,799,657	23,846,244,746
Giá vốn hoạt động khai thác tàu	36,299,104,592	75,640,550,816
Cộng	59,509,904,249	99,486,795,562

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
--	----------------------	------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1,299,916,697	444,720,468
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	29,744,349	64,610,749
Lãi tiền cho vay	202,391,001	118,333,333
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	210,558,139	37,807,991
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	950,864,877	(43,215,881)
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	2,221,264,000
Cộng	2,693,475,063	2,843,520,660

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	931,859,640	1,668,841,651
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	283,202,980	1,471,043,814
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	478,144,119
Cộng	1,215,062,620	3,618,029,584

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2,110,098,700	1,602,512,715
Chi phí vật liệu quản lý	43,597,671	17,608,184
Chi phí đồ dùng văn phòng	60,573,183	27,983,453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	231,709,722	97,984,680
Thuế, phí và lệ phí	4,954,000	7,348,086
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199,854,744	190,076,741
Các chi phí khác	1,837,785,827	1,170,614,008
Cộng	4,488,573,847	3,114,127,867

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
Thu nhập khác	-	163,761,012
Cộng	-	163,761,012

7. Chi phí khác

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	1,375,823	560,000
Cộng	1,375,823	560,000

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành:

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	135.000.000	153.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
Tiền lương	600,832,380	583,540,038
Phụ cấp	1,500,000	1,500,000
Cộng	<u>602,332,380</u>	<u>585,040,038</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải biển Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cổ đông, thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty
Công ty Cổ phần Transimex-SaiGon	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương

Mối quan hệ

Thành viên chủ chốt là thành viên HĐQT của Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý 1 Năm nay</u>	<u>Quý 1 Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs</i>		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		1,500,000,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	8,800,001	259,091
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn tại Hà Nội</i>		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu		82,500,000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</i>		
Cho vay		10,000,000,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	250,630,000	264,500,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	53,643,848	53,706,842
<i>Công ty Cổ Phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải</i>		
Trả gốc vay	300,000,000	150,000,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	4,872,000	96,466,705
<i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</i>		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		750,000,000
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu		9,947,791,810
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác cảng		1,058,182
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An</i>		
Phải trả về cung cấp dịch vụ khai thác tàu	275,081,818	370,522,727
<i>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</i>		
Chia lợi nhuận tàu HAIAN PARK năm 2014		1,500,000,000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh phần V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.17, V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các khoản loại trừ	Cộng
Lũy kế đến cuối kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	55,201,040,035	46,940,163,114		102,141,203,149
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	55,201,040,035	46,940,163,114	-	102,141,203,149
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31,990,240,378	10,641,058,522	-	42,631,298,900
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4,488,573,847)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				38,142,725,053
Doanh thu hoạt động tài chính				2,693,475,063
Chi phí tài chính				(1,215,062,620)
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				(1,375,823)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3,593,247,021)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				36,026,514,652
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	19,645,338,305		19,645,338,305
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11,127,573,924	9,199,195,260	-	20,326,769,184
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Lũy kế đến cuối kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	58,540,771,514	93,340,411,502		151,881,183,016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ				-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58,540,771,514	93,340,411,502	-	151,881,183,016
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	34,694,526,768	17,699,860,686		52,394,387,454
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(3,114,127,867)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				49,280,259,587
Doanh thu hoạt động tài chính				2,843,520,660
Chi phí tài chính				(3,618,029,584)
Thu nhập khác				163,761,012
Chi phí khác				(560,000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5,096,183,208)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				43,572,768,467
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10,746,439,602	312,923,414		11,059,363,016
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5,947,273,369	10,447,015,272		16,394,288,641
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:				
	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	339,016,444,136	344,018,569,991	-	683,035,014,127
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				215,328,202,126
Tổng tài sản				898,363,216,253
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	78,193,144,579	259,865,730,688	-	338,058,875,267
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				16,653,657,401
Tổng nợ phải trả				354,712,532,668
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	355,313,795,569	331,769,421,139		687,083,216,708

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			191,227,635,967
Tổng tài sản			878,310,852,675
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	55,651,790,984	284,817,743,226	340,469,534,210
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			30,217,149,532
Tổng nợ phải trả			370,686,683,742

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Các Sự kiện phát sinh sau kỳ báo cáo

Ngày 25/04/2016, Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 theo Nghị quyết số 0204-2016/NQ-HĐQT. Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Trần Thị Thanh Hảo
Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Lập, ngày 28 tháng 4 năm 2016



Tạ Mạnh Cường
Tổng Giám đốc